

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 07/6/2022

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Tô Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Việt Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST- HNGĐ ngày 18/02/2022 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX- ST ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, Thái Bình.

(Chị Th có mặt; anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày: Chị Th và anh Q kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 11/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay chị và anh Q sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Th và anh Q có một con chung là Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012. Hiện tại con chung sống cùng chị Th và học tại Trường Tiểu học xã Nam Hà. Sau khi ly hôn chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Th và anh Q không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2022 bà Phạm Thị Xuân là mẹ đẻ anh Trần Văn Q trình bày: Anh Q và chị Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Thời gian anh Q đi làm ăn thì anh Q vẫn gửi tiền về nuôi con. Chị Th và cháu Q sống tại nhà ngoại không sống cùng gia đình bà. Về con chung: Anh Q và chị Th có một con chung là Trần Kiến Q, sinh năm 2012. Về tài sản chung: Q và chị Th không có tài sản chung. Anh Q lao động tại Hà Nội nhưng bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh Q, tết anh Q có sang nhà chị Th để nói chuyện tuy nhiên chưa đón được chị Th về. Anh Q có biết việc chị Th làm đơn xin ly hôn, nguyện vọng của anh Q và gia đình bà mong muốn chị Th và anh Q đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Bà Xuân nhận các văn bản của Tòa án và cam kết sẽ thông báo lại cho anh Q biết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2022, Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng cung cấp như sau: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị Th đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Biên Nam, xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và kết hôn ngày 11/11/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Hồng. Anh Q và chị Th có một con chung là Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn Q; về con chung: Giao con chung Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn Q có hộ khẩu thường trú tại xã Nam Hồng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Trần Thị Th và anh Trần Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 11/11/2011. Tại thời điểm kết hôn, chị Th và anh Q đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Th và anh Q chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn anh Q đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của anh Q về việc chị Th xin ly hôn anh Q. Mặt khác anh Q và chị Th hiện tại không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của chị Th và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Th và anh Q có một con chung là Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung sống cùng chị Th. Sau khi ly hôn chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Xét thấy, từ khi chị Th và anh Q không chung sống cùng nhau cho đến nay, con chung của chị Th và anh Q là cháu Q sống cùng chị Th, cháu Q có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sinh hoạt và học tập ổn định của cháu Q. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Do Tòa án không lấy được lấy khai của anh Trần Văn Q. Nên về phân tài sản chung và công nợ không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1 hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Kiến Q, sinh ngày 04/8/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Anh Trần Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002296 ngày 18/02/2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/6/2022).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh